

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 77/2020/DS-ST

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2020/TLST - DS, ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1967; địa chỉ cư trú: Ấp Xẻo Mây, xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 1967 (có mặt)

2.2. Ông Dương Công T(vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Xẻo Mây, xã Thạnh Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa nguyên đơn là Bà Lê Thị Th trình bày:

Vào ngày 10/9/2018 âm lịch bà có áp chân hụi tháng, do bà làm chủ hụi, có 22 hụi viên tham gia với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khai vào ngày 10 hàng tháng đến ngày 20 thì giao tiền. Bà Nguyễn Thị Cẩm L có tham gia chơi 01 chân, khai hụi lần đầu tiên thì bà L được hốt hụi với số tiền là 28.190.000 đồng (hai mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), bà đã giao đủ tiền cho bà L. Sau khi bà L hốt hụi thì bà L đóng hụi chết không đầy đủ, tính đến nay đây hụi đã mất bà L phải đóng hụi chết 21 lần là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) nhưng bà L chỉ đóng được 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng), còn lại 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) đến nay vẫn chưa đóng cho bà. Bà có nhiều lần yêu cầu bà L đóng hụi cho bà nhưng bà L cho rằng hụi này là bà tham gia giùm cho em của bà nên để e bà về trả và bà cứ hứa hẹn lần lựa mà không thực hiện. Bà có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết thì tại biên bản hòa giải ngày 17/7/2020 bà L cũng thừa nhận nợ và xin trả dần cho bà mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nhưng bà không đồng ý.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà L và ông T phải liên đới trả cho bà số tiền hụi là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 21/8/2020, biên bản hòa giải ngày 03/9/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày trình bày:

Bà L thừa nhận bà có tham gia chơi hụi do bà Th làm chủ, cụ thể như sau: Hụi tháng với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), khai vào ngày 10/9/2018 âm lịch, có 22 hụi viên tham gia, khai vào ngày 10 hàng tháng đến ngày 20 thì giao tiền. Bà có tham gia chơi 01 chân, khai hụi lần đầu tiên thì bà được hốt hụi với số tiền là 28.190.000 đồng (hai mươi tám triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), nhưng bà Th chỉ giao số tiền là 25.190.000 đồng (hai mươi lăm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), còn lại 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cản trừ vào tiền của em bà là chị Loan thì bà cũng đồng ý, bà là người trực tiếp nhận tiền hụi từ bà Thanh. Sau khi hốt hụi bà có đóng lại hụi chết cho bà Th nhưng do đây là hụi bà tham gia giùm cho em của bà là chị Loan nên khi chị Loan không gửi tiền về đóng hụi thì bà cũng không có khả năng đóng hụi chết lại cho bà Thanh.

Tại biên bản hòa giải đại phương ngày 17/7/2020 bà cũng có trình bày việc bà chơi hụi giùm cho em của bà nhưng do bà là người trực tiếp tham gia khi đóng hụi và khi hốt hụi bà trực tiếp nhận tiền nên nay bà Th yêu cầu bà phải đóng tiền hụi chết thì bà cũng đồng ý.

Nay bà cũng thừa nhận bà còn nợ bà Th số tiền hụi là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), bà đồng ý trả cho bà Th số tiền trên nhưng hiện nay bà không có khả năng trả một lần mà xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

Ông Tđã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng anh vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Tđến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Thkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lvà ông Tphải thanh toán số tiền hui còn thiếu nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là bà Lcó địa chỉ nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Tđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Tkhông làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Tlà phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Thvà bà Lđều xác nhận hai bên có tham gia chơi hui tháng 2.000.000 đồng, do bà Thlàm chủ hui, chân hui có 22 hui viên, mỗi tháng khai hui 01 lần vào ngày 10 hàng tháng. Ngày bắt đầu khai hui lần đầu tiên là ngày 10/9/2018 âm lịch, ngày mãn hui là ngày 10/7/2020 âm lịch. Bà Lhót hui đầu tiên và phải đóng lại hui chết cho bà Th21 lần là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng) nhưng bà Lchỉ đóng được 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng), còn lại 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) đến nay vẫn chưa đóng. Nay bà Thyeu cầu bà L, ông Tphải trả cho bà số tiền hui còn thiếu là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), bà Thkhông yêu cầu tính lãi.

Bà Lcũng thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà Thsố tiền hui là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) và đồng ý trả số tiền trên bà Thnhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn bà không có khả năng trả một lần số tiền trên mà xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, bà Thkhông đồng ý nên hai bên không thỏa thuận được và phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu của bà Thuyền cầu bà Lê, ông Ttrả cho bà số tiền hui là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), bà không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận – Bởi lẽ trong quá trình giải quyết vụ kiện, tại bản tự khai ngày 21/8/2020, biên bản hòa giải ngày 03/9/2020 bà Lđều thừa nhận còn nợ bà Thsố tiền hui là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) và đồng ý trả số tiền trên cho bà Thnhung xin được trả dần, bà Thkhông đồng ý nên hai bên không thỏa thuận được thời gian và cách thức trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Xét việc xin trả dần của bà Llà không có cơ sở chấp nhận bởi bà Llà hui viên được hót hui đầu tiên, khi hót hui các hui viên khác đều đã đóng hui đầy đủ cho bà Lđược hót và bà Thcũng đã giao đủ cho bà Lsố tiền được hót hui. Nay nếu bà Lkéo dài không đóng lại hui chét đầy đủ thì sẽ làm thiệt thòi đến quyền lợi của chủ hui là bà Thvà của các hui viên khác chưa được hót hui.

Ông Tđã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình bà Ltham gia chơi hui góp vốn xoay vòng thì bà và ông Tvẫn là vợ chồng hợp pháp và đang chung sống với nhau. Việc tham gia chơi hui của bà Lthì ông Tđều biết nên ông Tphải liên đới chịu trách nhiệm cũng với bà Ltrả số tiền hui là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Thanh.

Xét thấy, bản chất của việc tham gia chơi hui, họ, biêu, phường là việc thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại nhằm mục đích tương trợ trong nhân dân. Do đó, mỗi lần góp hui là nghĩa vụ của các thành viên còn lại góp tiền cho thành viên được hót hui. Vì vậy, việc bà Lcho rằng do hoàn cảnh khó khăn nên bà không có khả năng đóng tiền hui chét lại cho bà Thlà không phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thanh, buộc bà Lvà ông Tphải liên đới trả cho bà Thsố tiền hui là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Thkhông yêu cầu tính lãi nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của bà Thđược chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Thsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 837.000 đồng (tam trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005407 ngày 17/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Lê, ông Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 35.000.000 đồng $\times 5\% = 1.750.000$ đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Khoản 4 Điều 11, Điều 288, Điều 357, Điều 471 Bộ luật dân sự

Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, họ, họ;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Th đối với Bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Dương Công Tấn.

Buộc Bà Nguyễn Thị Cẩm L và Ông Dương Công Tphải liên đới trả cho Bà Lê Thị Th số tiền họ là 33.500.000 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho Bà Lê Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 837.000 đồng (tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005407 ngày 17/8/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà Nguyễn Thị Cẩm L và Ông Dương Công Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/9/2020, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi Cục THADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Hôm